

TỊNH-ĐỘ VĨNG SINH TRUYỆN

QUYỂN HẠ

Chánh truyện có mười bảy vị, phụ thêm có ba vị.

- 1- Thích Tăng Huyền ở Tỉnh Châu đời Đường. (Phụ: khởi Phương, Viên Quả)
- 2- Thích Biện Tài ở Sóc Phương đời Đường.
- 3- Thích Pháp Chiếu ở Ngũ Đài đời Đường.
- 4- Thích Tự Giác ở Trấn Châu đời Đường.
- 5- Thích Hoài Ngọc ở Thai Châu đời Đường.
- 6- Thích Tề Hàn ở Ngô Quận đời Đường.
- 7- Thích Thần Hạo ở Ngô Quận đời Đường.
- 8- Thích Thiếu Khang ở Lục Châu đời Đường.
- 9- Thích Tri Huyền ở Bành Châu đời Đường.
- 10- Thích Tăng Tạng ở Phần Châu đời Đường.
- 11- Thích Đại Hành ở Duyệt Châu đời Đường.
- 12- Thích Duy Cung ở Kinh Châu đời Đường. (Phụ: Linh khuy)
- 13- Thích Hồng Cử ở Ôn Châu đời Hậu Đường.
- 14- Thích Chí Thông ở Phụng Tường đời Thạch Tấn.
- 15- Thích Thiệu Nham ở Tiền Đường đời Đại Tống.
- 16- Thích Thủ Chân ở Đông Kinh đời Đại Tống.
- 17- Thích Ngộ Ân ở Dư Hàng đời Đại Tống.

1- Thích Tăng Huyền:

Người Thọ Dương ở Tịnh Châu. Thuở nhỏ niệm Từ Thị Di-lặc nguyện sinh Nội Viện Đâu-suất. Năm tám, chín tuổi gặp Thiền sư Đạo Xước dạy cho Tịnh-độ nhưng chưa ngộ chỉ mới hồi Tâm. Huyền thấy Đạo suy đồi, công chưa nhóm không lớn, bèn sớm chiều lễ Phật thường hơn ngàn lạy, niệm danh hiệu cả vạn tiếng. Thức ngủ thường canh cánh chăm chăm không bỏ như thế được ba năm. Niên hiệu Chân Nguyên năm thứ chín bị bệnh đến Đại Tàm gọi đệ tử bảo rằng ta là người hữu lậu mới bị bệnh này, Phật A-di-đà trao cho ta hương y, Quán Âm, Thế Chí đưa cho ta tay báu. Do đây mà Tây Phương đều là cảnh Tịnh-độ, ta theo Phật mà đi. Rồi mất, mất đã bảy ngày mà mùi thơm chưa tan. Người ở Tinh Phần do đó mà càng tin về Tịnh-độ. Lúc đó chùa Ngộ Chân ở Phần Tây có hai Pháp sư Khải Phương và Viên Quả, xưa từng vì già tôn kính Huyền lại chính mắt thấy sự việc bèn ở trước tượng Quán Âm mà sám hối lỗi xưa. Rồi bẻ nhánh dương để trên tay tượng Quán Âm mà thề Phương Quả chúng con nếu có duyên Tịnh-độ thì làm cho nhánh dương này bảy ngày không héo. Đến hẹn nhánh dương càng tươi. Phương Quả sớm chiều không bỏ quán niệm. Sau mấy tháng quán niệm, một tối trong khi quán niệm bỗng biết mình đến ao lớn bảy báu, trong ao có màng báu lớn chui vào thì thấy Quán Âm Thế Chí ngồi trên đài hoa báu, dưới đài có ngàn vạn hoa sen, Đức Phật A-di-đà từ Tây đến ngồi trên một hoa sen lớn nhất, phát ra ánh sáng chiếu khắp, Phương Quả đến trước lễ hỏi: chúng sinh Diêm Phù y kinh niệm Phật có được sinh lên đây chăng? Phật bảo Phương rằng như niệm danh ta thì sinh nước ta không có ai niệm mà chẳng sinh. Lại thấy đất bằng phẳng như bàn tay, cờ phướn lưới châu trên dưới giao nhau. Lại thấy một vị Tăng ngồi trên xe báu, tiến đến bảo Phương Quả rằng ta là Pháp Tạng đây, do nguyện xưa mà đến rước Phương-Quả lên xe đi về phía trước. Lại thấy thân ngồi trên hoa sen báu. Lại nghe Đức Như lai Thích Ca và Bồ-tát Văn-thù dùng âm Phạm mà khen Tịnh-độ ở trước mặt. Có ngôi điện lớn, điện có ba đường thêm, đường thứ nhất toàn người tại gia, đường thứ hai gồm cả tăng tục, đường thứ ba chỉ có Tăng chứ không tục. Phật chỉ đường có Tăng Tục bảo Phương Quả rằng: Đây đều người Diêm-Phù niệm Phật mà sinh về, các người phải rất cố gắng. Phương Quả tỉnh dậy cùng bàn bạc. Năm ngày sau hai người không bệnh nghe có tiếng chuông, hỏi tăng bên cạnh bảo chẳng nghe gì. Phương-Quả nói: Tiếng chuông là việc của chúng tôi. Phút chốc thì hai người cùng mất.

2- Thích Biện Tài:

Sư họ Lý, người ở Tương Dương từ khi mẹ mang thai sư lại ghét đồ mặn, đến tối sinh ra Sư thì mùi thơm đầy nhà. Năm bảy tuổi xuất gia theo Thiền sư tịnh ở Hiện sơn, mười sáu tuổi cạo tóc tại chùa Đại Vân ở Bản Châu. Kế đi khắp quận nghiên cứu kinh sách. Sau nghe Luật sư hoài Oai chùa An Quốc ở Trường An, Pháp môn đầy thân bèn đến học mà có đại thành. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười bốn đời Đường vua Huyền Tôn vì người phương Bắc tánh khí cứng rắn lâu thành thói quen, nên trong các chùa thường tập cỡi ngựa bắn tên, bèn ra chiếu cho tài dạy răn, đến Đàn để điều tập. Đầu niên hiệu Chí Đức vua Túc Tông lên ngôi. Quan Tể tướng Đỗ Hồng Tiệm tâu vua ra chiếu ở chùa Long Hưng ban cho Tài thêm chức Sóc Phương Quán Nội Giáo Thọ khiến khuyên cố gắng để thay đổi thói xấu. Lộc Sơn nổi loạn người chết máu tanh đến Hà Lạc Tài bèn giả bệnh tuyệt âm không nói suốt ba năm. Khi Lộc Sơn bại trận Túc Tông ban thư khen ngợi. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 3 lại ra chiếu làm Đại đức ở chùa Chương Tín. Lúc đó phủ soái Quốc Quốc Thường Công và Hộ Nhung Nhậm Công rất kính mến danh tiếng của Tài tuy chưa nhường nhưng khi luận Đạo thì rất tâm phục. Tài đối với Tịnh-độ ngậm kín tinh tu suốt hai mươi năm chưa hề nói với ai. Khi giao thiệp với Nhậm Công mới nói Tài thấy huyền thân này đã già yếu khi chết ắt sinh Tịnh-độ chỉ khoảng mười năm nữa thôi. Mùa Thu năm thứ mười ba, Tài bị bệnh, đến chiều Đông mừng tám, bảo đệ tử: Người đến Nhậm Công đã đến hẹn 10 năm, Nhậm Công sẽ không quên đâu. Đệ tử nói y lời, Nhậm Công nói chẳng lẽ Sư già biệt ta ư? Rồi cùng Thường Công đến thăm. Hai ông mới đến cửa, đệ tử vào báo, Tài bảo: Đến thì ta đi, rồi ngồi kiết già im lặng mà mất. Lúc đó mọi người nghe có tiếng âm nhạc từ Tây đến và mùi thơm phát ra, đến sáng hôm sau lại càng thơm hơn.

3- Thích Pháp Chiếu:

Chẳng rõ sư người ở đâu thời nào. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ hai đời Đường, Sư trú tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, từ Nhẫn giới định rất tinh nghiêm. Một hôm, ở trong Tăng Đường ăn cơm thì thấy trong bát có mây năm màu. Trong mây có ngôi chùa, ở phía Đông Bắc chùa có ngọn núi lớn. núi có khe, khe có cửa đá. Qua cửa khoảng năm dặm có một ngôi chùa bằng vàng đề chùa Đại Thánh Trúc Lâm Tự Chiếu tuy mắt thấy mà tâm không nhớ rõ. Ngày khác vào lúc ăn trong bát hiện mây năm màu, trong mây hiện ra mấy chùa nhưng không có núi rừng

dơ bản, sắc vàng sáng rực, ao đài lầu quán đầy các báu, có rất nhiều vị Bồ-tát ở trong đó, trong cõi nước trang nghiêm tịnh của chư Phật có các thức đẹp để lấp lánh thích nhìn. Nhân hỏi thăm thì có hai Tăng là Gia Diên và Đàm Huy bảo rằng việc Thánh thần biến hóa phàm tình không thể lường được, nói về địa thế núi sông thì đúng là núi Ngũ Đài. Mùa Hạ niên hiệu Đại Lịch thứ 4 đời Đường Chiêu trú tại chùa Hồ Đông ở Hành Châu mở Đạo Tràng ngũ Hội Niệm Phật. Ngày 2 tháng 6 năm ấy, mây lành năm màu che phủ chùa, trong mây có lầu đài, có nhiều vị Tăng Ấn-độ thân cao hơn tượng cầm tích tượng hành Đạo. Lại thấy Phật A-di-đà cùng hai Bồ-tát thân cao lớn đầy khắp hư không. Lúc chiều tối, Pháp Chiêu ở ngoài Đạo tràng gặp một cụ già bảo: trước ông ở cõi sắc vàng đã phát nguyện lễ chào Đại Thánh nay sao lại bỏ đi. Chiêu nói thời buổi đường xá lúc khó khăn không bỏ sao được? Cụ già bảo gấp đi liền thì sao gọi là khó? Chưa kịp đáp thì ông lão biến mất. Chiêu thấy việc lạ lại phát nguyện rằng: Nguyện đem thân này kính dâng Đại Thánh dầu gặp đồng lửa sông băng cũng không thối chí. Năm ấy ngày 13 tháng 8, chiếu mấy người đồng chí từ Nam Nhạc đi lên thì đường không hiểm trở, ngày 5 tháng 4 năm thứ 5, đến Ngũ Đài, nhìn xa thấy phía Nam chùa có mấy luồng ánh sáng. Ngày mồng 6 đến chùa Phật Quang giống y như đã thấy trong bát. Đêm ấy canh bốn lại có ánh sáng lạ từ phía Bắc đến chiếu soi vô số kể, bèn hỏi: Đây là điềm gì tốt hay xấu? Vị Tăng ở đó đáp đây là ánh sáng không thể nghĩ bàn của Đại Thánh chiếu nhiếp thân tâm ông, còn hỏi gì. Chiêu nghiêm túc đến một chùa, ở phía Đông Bắc cách năm dặm quả nhiên có ngọn núi, trong núi có khe, phía Bắc khe có cửa đá, bên cửa có hai đứa trẻ mặc áo xanh khoảng tám, chín tuổi hình dung đẹp đẽ, một người tên Thiên Tài, người kia tên Nan đà, dẫn Chiêu vào cửa đi về phía Bắc khoảng năm dặm thì thấy một Cửa Vàng, trên cửa có lầu, bên lầu có một ngôi chùa, cửa chùa có bảng Vàng lớn đề Chùa Đại Thánh Trúc Lâm chùa vuông vức hai mươi dặm có cả trăm viện, các viện đều có tháp, đất vàng ròng, đài hoa cây ngọc đầy khắp. Chiếu vào giảng đường thì thấy Văn-thù ở phía Tây, Phổ Hiền ở phía Đông đều ngồi trên tòa cao sư tử, tiếng nói Pháp rõ ràng trong tai. Quanh đức Văn-thù có mấy nhiều Bồ-tát, Đức Phổ Hiền cũng có các Bồ-tát đi nhiều quanh. Chiếu đánh lễ hai vị Bồ-tát thưa rằng: Phàm phu đời mạt trí thức cạn cợt, Phật tánh tâm địa không do đâu mà hiển sáng, chưa biết tu hành pháp môn nào là cốt yếu nhất, cúi mong Đại Thánh giải nghi cho con. Ngài Văn-thù nói điều người hỏi nay rất đúng lúc, các hạnh môn tu lành không gì bằng niệm Phật ta ở

kiếp quá khứ nhân niệm Phật mà được Trí Nhất Thiết Chứng. Cho nên các Pháp Bát-nhã Ba la mật đa sâu nhất là Thiền định, cho đến Chánh Biến Tri của chư Phật đều từ Niệm Phật mà sinh. Chiếu nói đó là niệm gì. Bồ-tát Văn-thù nói phía Tây thế giới này có Phật Di-đà, nguyện lực Phật ấy không thể nghĩ bàn, ông phải niệm không xen hở thì, khi qua đời chắc chắn vãng sinh. Nói xong hai vị Bồ-tát duỗi tay màu vàng xoa đầu Chiếu và Thọ ký rằng: Ông niệm Phật không thể nghĩ bàn nên rất ráo chứng được Vô Thương Giác. Các Thiên nam nữ muốn nhanh chóng thoát ly thì phải niệm Phật. Khi đó hai vị Bồ-tát cùng nói Già Đà. Chiếu nghe xong càng thêm mừng rỡ. Đức Văn-thù lại nói: Ông nên trở về kính lễ khắp các vị Bồ-tát mà tiếp nhận giáo thọ. Chiếu theo đúng lời dạy thỉnh các Giáo thọ kế đến Hoa Viên bầy bâu ra trước Đại Thánh mà làm lễ từ già. Rồi hai trẻ Thiện Tài và Nan-đà mặc áo xanh đưa ra ngoài cửa. Chiếu lại đánh lễ, ngẩng đầu lên thì đều biến mất. Đến mười ba ngày sau Chiếu cùng hơn năm mươi vị Tăng đến Hang Kim cương Vô Trước thì thấy Đại Thánh ở đấy. Bỗng thấy đất đai mở rộng nghiêm tịnh lưu ly các báu làm thành cung điện, Văn-thù Phổ hiền cả vạn vị Bồ-tát Phật Đà-Ba-Lợi cũng ở trong đó. Thấy xong Chiếu theo chúng về chùa. Đêm ấy canh ba ở lầu Tây của viện Hoa Nghiêm lại thấy ở hang núi phía Đông chùa có năm ngọn đèn lớn hơn một thước. Chiếu lại nguyện chia làm trăm ngọn đèn rồi hợp lại thành một, lại nguyện chia làm ngàn ngọn đuốc rồi sắp thành các hàng ánh sáng chiếu vào nhau và ánh sáng phân tán khắp núi rừng đồng cỏ v.v... Chiếu lại đến trước hang Kim cương nguyện thấy được Đại Thánh. Vào đầu canh ba thấy một Phạm Tăng tự xưng là Phật-Đà-Ba-Lợi dẫn chiếu vào chùa. Đến ngày 1 tháng 12 ở Viện Hoa Nghiêm vào Đạo Tràng Niệm Phật trong khi quán niệm thì hai vị Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền bảo mình rất ráo chứng Vô Thương Giác, lại ghi mình niệm Phật Di-đà chắc chắn vãng sinh. Do đó ta nhất tâm niệm Phật Chánh niệm thì thấy một vị Tăng Ấn-độ vào chùa bảo rằng ông sinh vào đài hoa ở Tịnh-độ, ba năm sau ông đến sẽ nở ra nhưng việc ông thấy chùa Trúc Lâm sao không nói cho mọi người cùng biết. Chiếu nghe nhớ việc thấy xưa bèn gọi thợ khắc đá, chỗ thấy chùa Trúc Lâm xưa thì cất lên một ngôi chùa cũng tên là Trúc Lâm. Chiếu nói việc ta đã xong, ta há lại ở lâu cõi này ư? Qua mấy ngày sau thì mất suy ra đúng là ba năm như lời vị Tăng Ấn-độ nói.

4- Thích Tự Giác:

Sư là người ở Vọng Đô thuộc Bắc Lãng. Năm mười tuổi thờ ngài

Tri Khâm chùa Khai Nguyên ở bốn quận làm thầy. Khâm thấy chí ông khác thường bèn khiến đặt tên Tự Giác và nói chơi rằng nghe tên nghĩ ngợi mà vô ích ư? Giác thừa hạt giống Phật từ duyên khởi sao quên lời dạy dỗ. Niên hiệu Chí Đức thứ 2 đời Đường sư thọ Cụ giới, đi về phương Bắc đến chùa Linh Thọ Thiên Pháp mà rèn tập các kinh luật Đại Tiểu thừa. Lại so sánh nghĩ rằng việc đời lằng xằng ngày cả muôn mối, không bằng vào núi Thái Sơn cất lều tranh trên tảng đá lớn mà ở là đủ. Đầu niên hiệu Đại Lịch ông được Viện Trùng Lâm phía Tây Bình Sơn, Giác nói núi vắng không người phiền lự chẳng sinh, đất phiền lự không sinh đâu tuyên nói Phật giáo mà không người nghe, ắt có đạo quỷ thần ở đấy. Do đó Sư sớm chiều giảng nói cho các âm hồn suốt ba năm, năm năm trời hạn hán thêm nạn trộm cướp như ong vỡ tổ, lại khắp nơi in dấu cạp sói hổ báo Sư hái rau quả ngày ăn một bữa. Tiết Độ Sư Hằng Dương là Trương Chiêu, lúc đó hạn hán nghe Giác siêng năng khổ nhọc có nhiều điềm lành, bèn đích thân vào núi thỉnh rằng: Chiêu tôi ít phước, họa đến trăm họ, suốt ba năm không mưa nên tự trách mình vô ích. Lại nói: Chiêu nghe Long vương nương Ngài nghe Pháp mà quên làm mưa, mong Ngài từ bi thương xót cứu giúp. Sư bèn đốt hương xa trông ao đầm mà khẩn rằng: Chỉ có rồng làm mưa đất đai thấm ướt. Phút chốc thì mưa lớn ào xuống. Năm ấy dân Hằng Dương trúng mùa. Sư Giác từ khi vào Pháp đến nay có phát bốn mươi chín nguyện trong đó có một nguyện, là nguyện do Bồ-tát Đại Bi tiếp gặp được Phật Di-đà. Do đó quyên góp đúc tượng Đại Bi cao bốn mươi chín thước và xây chùa để thờ. Khi chùa thành thì Phật sự rất thanh hành. Trước tượng Đại Bi Sư cúi đầu than khóc rằng Thánh tượng đã thành, chùa tháp đã xong, nay nguyện nương Thánh lực mà sớm lên An Dưỡng. Đêm ấy vào canh ba bỗng có hai luồng ánh sáng màu vàng. Trong ánh sáng có Phật A-di-đà nương mây mà xuống, Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên, Phật đưa tay vàng xoa đầu Giác nói: Chớ bỏ lợi vật làm đầu, ao báu được sinh ai không thỏa nguyện. Bỗng mây cuốn ánh sáng tắt không còn dấu vết gì. - Sau mười một năm ngày 15 tháng 7, lại thấy một người ở trên mây hiện ra nửa người giống như Tỳ-sa-môn gọi Giác bảo rằng hẹn về An Dưỡng nay đã đến, Giác đem việc đã thấy báo đệ tử siêng năng mạnh mẽ đối với Pháp của Như lai không lười biếng. Rồi ở trước Tượng Đại Bi ngồi kiết già mà hóa. Biết đệ tử muốn đưa khám thờ về quê cũ khiến người trong châu khốn khổ, bèn dời tháp về phía Nam chùa Đại Bi.

5- Thích Hoài Ngọc:

Sư họ Cao, người ở Đan Khâu, chuyên tu Tịnh nghiệp suốt bốn mươi năm, mỗi ngày đọc niệm Phật A-di-đà năm vạn biến, tụng các kinh khác ba trăm vạn quyển. Niên hiệu Thiên Bảo đời Đường Năm thứ nhất ngày 9 tháng 6, Sư Ngọc đang niệm Phật bỗng thấy Thánh chúng Tây Phương số đông như cát sông Hằng, trong đó có một người tay cầm đài bạc trình ra trước Ngọc, Ngọc nói Hoài Ngọc tôi vốn mong đài vàng nay sao đưa đài bạc đến? Nói xong thì đài và người đều biến mất. Ngọc do đó càng cố gắng suốt hai mươi một ngày thì người đưa đài bạc trước lại đến bảo Pháp sư vì tinh khổ nên được lên Thượng phẩm, vãng sinh trước thấy Phật, nên ngồi kiết già mà đợi. Chưa dờn gót thì thấy có ánh sáng lạ chiếu vào thất, Ngọc đưa tay nói với mọi người rằng: Chớ đụng vào ánh sáng ấy ta muốn đạp lên ấy mà đi. Ba ngày sau thì ánh sáng lạ lại hiện ra, đệ tử nghi Sư tạ thế bèn vây quanh hỏi, Ngọc nói: Không phải lúc, lại nói: Nếu các người nghe có mùi thơm lạ thì ta mất. Hôm sau đệ tử là Huê Mạng hỏi: báo thân này mất rồi thì sinh về cõi nước nào? Ngọc không đáp chỉ viết sáu câu kệ rằng:

*Thanh tịnh sáng sạch không bụi nhơ,
Hóa sen hóa sinh là mẹ cha,
Ta trải nhiều kiếp tu đến nay,
Chỉ bày Diêm Phù chán các khổ,
Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp,
Liã hẳn Ta-bà về Tịnh-độ.*

Nói kệ xong thì mùi thơm bốn phía bay đến. Trong số đệ tử có người thấy Phật và hai vị Bồ-tát ngồi Đài vàng, bên Đài có trăm ngàn vị Hóa Phật từ Tây Phương đến rước Ngọc. Ngọc cung kính chấp tay mỉm cười mà hóa.

6- Thích Tê Hàn:

Sư tự là Đẳng Chí con của họ Thắm ở Ngô Hưng, Cao Tổ là Trần Quốc Tử Tế Tửu, Tăng Tổ là tỳ Ngụy Châu Tư Mã, Tổ Khảo thì không ra làm quan. Thuở nhỏ Hàn dạo chơi ở chùa đập đất sạch không bụi liền biết có túc mạng thấy rõ chỗ sinh rõ ràng trước mắt, do đó đi xuất gia. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ tám đời Đường đến chùa Vĩnh Định ở Bồn Châu, năm thứ chín thì lên Ngũ Phần Đàn ở chùa Khai Nguyên. Niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba thì chuyển thuộc hai châu Võ Khâu, Đạo Tục ngày càng đến quy phục rất đông. Tánh Hàn không hay la rầy tiếng lành đồn xa. Ở riêng một nhà im vắng như không người, rất khổ nhọc chẳng bỏ thì giờ luống uổng. Rất rành rẽ kinh Pháp Hoa và các

luật bộ, thông minh lanh lợi làm sáng nghiệp lành dắt dẫn kẻ hậu lai. Tất cả nghe thấy đều có chút điều lành cũng đều quy về Tịnh-độ. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ mười sư bị bệnh vào Lưu Đạo Tràng lưu Thủy Niêm Phật, cảnh tượng Tịnh-độ một niệm liền hiện. Hàn ra khỏi Đạo tràng làm kệ rằng:

*Lưu Thủy động sóng gợn lăn tăn
Chiếu nhau hề sáng báu tùy nương
Cưỡi ánh sáng đi ra, phần ấy thuộc về ai?*

Ông mất ở phía Đông chùa Hồ Khâu, thọ sáu mươi tám tuổi, pháp lạc ba mươi sáu. - Trước đó, Hàn ra khỏi Đạo tràng làm kệ xong bảo đệ tử rằng: Thiên không thể bỏ, thời gian không thể mất. Các con nên bền chắc điều lành An Dưỡng. Đệ tử thưa: không dám quên. Hàn bảo Phật đạo không quên thì Đức các con nhờ đây mà thịnh. Có người hỏi: Hòa Thượng bỏ sinh sao còn bệnh? Hàn đáp: đến lúc từ biệt Thánh còn không khỏi hưởng chi là ta. Rồi nhìn về Thánh tượng mà mất.

7- Thích Thân Hạo:

Sư tự là Thường Khánh, họ Từ, trước là người Bắc Tần Tăng Tổ thờ nhà Trần do đó nhà ở đất Ngô Hạo tánh khí phóng khoáng thông minh, thuở nhỏ thờ Hoài Nhất trong Đạo tràng làm thầy. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ sáu vua ra chiếu mỗi quận độ Tăng ba người, xét về danh tiết Đạo nghiệp mà tiến cử lên, Hạo được cử đứng đầu. Hạo nương sư Đàm Nhất ở Cối Kê ở mà học thông Luật bộ. Rồi trở về chùa Phước Nguyên ở Bao Sơn mà tiêu dao, được mọi người chí cao kính phục, danh vang một thời. Đầu niên hiệu Càn Nguyên đời Đường, vua ra chiếu hai mươi bảy chùa trong nước mỗi chùa chọn bảy vị Đại Đức Tăng thường giảng giới luật, Hạo vàng chiếu. Thứ Sử Khai Châu là Lục hướng, Cấp Sự Trung Nghiêm làm đệ tử. Lễ Bộ Thị Lang Lưu Thái Chân, Đại Lý Bình Sự Trương Tượng Liêm Sử Lý Quân đều khâm phục phong đức của Sư. Cuối đời sư cùng kết Tây Phương Pháp Xã để phát triển Đạo Tục lúc đó có nhiều người không thể lánh Trần lự để tịnh sáu căn, thường lui sụt. Có người cho rằng vì trong rừng các cây chiên đàn tự khô – Niên hiệu chân Nguyên năm thứ 6 tháng 10, Sư bị bệnh, ngày 5 tháng 12 Sư dặn dò đệ tử là Hoài Lượng rằng: Đêm nay ta sẽ mất, ước nguyện là sinh Tịnh-độ con nên sắp bày Chín Phẩm để dẫn dắt ta. Chiều đó các điềm lành ngầm hiện. Hạo tắm gội thay áo rồi tịch. Tịch rồi ba ngày sau trong thất vẫn còn mùi thơm lạ.

8- Thích Thiếu Khang:

Sư họ Chu, người vùng Tiên Đô thuộc Tấn Vân. Mẹ họ La, khi mang thai Sư mộng thấy đạo chơi núi Đảnh Hồ được Ngọc Nữ trao cho cành hoa sen xanh bảo: Hoa kiết tường này trao người sinh quý tử. Đến khi sinh ra Sư thì ánh sáng xanh đầy nhà, mùi thơm giống như hoa Phù Dung. Lúc còn bé mắt xanh môi đỏ khác thường. Lại khi sinh ra về sau không hề lên tiếng. Thấy tướng bảo đứa bé này hiếm lạ khó lường, chi việc không nói thì ta không biết. Đến bảy tuổi, mẹ vào chùa Linh Sơn ở quận nhà, lên điện chỉ điện Phật hỏi đùa rằng: Con có kính Phật chăng? Khang nói: Phật Thích-ca ai chẳng kính. Người nghe lấy làm lạ vì từ lúc sinh đến nay chưa từng nói. Cha mẹ do đó cho đi xuất gia. Năm mười lăm tuổi đã tụng được năm bộ kinh Pháp Hoa, Lăng-nghiêm v.v... Liên tìm đến chùa Gia Tường ở Việt Châu nghiên cứu Tỳ Ni. Sau đến chùa Long Hưng ở Thượng Nguyên nghe kinh Hoa Nghiêm và luận Du-già các . Đầu niên hiệu Chân Nguyên đến chùa Bạch Mã ở Lạc Hạ, thấy trong điện thờ các sách vở phát ra ánh sáng. Khang bất ngờ rút ra một quyển thì đó là Văn dạy về Tây Phương của ngài Thiện Đạo thuở xưa. Khang nói nếu tôi có duyên với Tịnh-độ thì khiến cho bản văn này phát ra ánh sáng. Lời nguyện chưa dứt thì thấy ánh sáng chói lòa. Khang nói kiếp đá có thể dời chứ nguyện tôi không đổi. Bèn đi về phía Nam đến Trường An ở trước ảnh đường của ngài Thiên Đạo mà trình bày cúng lễ. Khi mới cúng lễ thì thấy di tượng ngài Thiện Đạo bay lên hư không bảo Thiếu Khang rằng: Người theo việc ta lợi lạc hữu tình ắt công phu của người sẽ đồng sinh An Dưỡng. Khang nghe lời ấy như có chỗ chứng. Bèn đến chùa Quả Nguyện ở Giang Lăng, giữa đường gặp một vị Tăng bảo: Ông muốn hóa độ người hãy đến Tân Định. Nói xong thì biến mất. Khi đến quận lục, người ở đấy chưa theo sự hóa độ của Sư, Khang bèn xin tiền đem cho con nít dụ bảo: Phật A-di-đà thật là thầy con, nếu con niệm một câu ta cho một đồng. Trẻ con ham tiền cùng đua nhau niệm. Hơn một tháng trẻ con niệm Phật đợ tiền càng nhiều. Sau đó lại bảo niệm mười câu mới cho một tiền, trẻ con từ chợ đến thôn quê đều như thế. Được một năm thì trai gái lớn nhỏ sang hèn hễ thấy Thiếu Khang thì đều niệm A-di-đà Phật. Cho nên người Lục Thành cùng nhau niệm Phật đầy đường. Niên hiệu Chân Nguyên năm thứ mười, Khang ở núi Ô Long lập Đạo Tràng Tịnh-độ, xây Đàn ba tầng tập hợp người ngày đêm hành đạo. Lúc đó Khang lên tòa cao khiến nam nữ nhìn mặt Khang rồi lớn tiếng niệm Phật A-di-đà cả chúng cùng lớn tiếng họa theo. Đến khi Khang niệm thì thấy từ miệng hiện ra một Đức Phật, niệm liền mười

câu có mười Đức Phật liền nhau như xâu chuỗi. Khang hỏi các vị có thấy Phật chăng? Người thấy Phật thì chắc chắn sinh Tịnh-độ, người Lễ Phật cả mấy ngàn người, rốt cuộc cũng có người không thấy. Ngày 3 tháng 10 niên hiệu Chân Nguyên 21, Khang dẫn dò Đạo Tục phải khởi tâm tăng tấn với An Dương và chán sợ cõi Diêm-phù-đề cầu mong thoát ly. Lại nói: Các con lúc này thấy ánh sáng mới thật là đệ tử ta rồi. Liền phóng ra mấy luồng phát ánh sáng la mà viên tịch. Tháp Sư xây ở phía Đông ngọn Đài Tử ở Vu Châu. Niên hiệu Càn Hựu năm thứ 3 đời Hán Thiển sư Đức vận ở Thiên Thai xây mới lại, nhiều người bây giờ chỉ vào tháp ấy cho là con cháu của Thiện Đạo.

9- Thích Tri Huyền:

Sư tự là Hậu Giác, họ Trần, người ở Hồng Nhã thuộc My Châu mẹ họ Ngụy, mộng thấy mặt trăng chui vào bụng do đó mà mang thai. Lúc còn bú hễ thấy Phật thì mừng, năm tuổi nghe ông nội vịnh hoa thì lên tiếng mà đến. bảy tuổi gặp Thái Pháp sư ở chùa Ninh Di giảng kinh Niết-bàn. Huyền vào chỗ giảng bày như thấy nhân trước. Đêm ấy mộng thấy Phật đưa tay xoa đầu, bèn xuất gia. Năm mười một tuổi cạo tóc đến chùa Tây An ở Đường Hưng truyền Đại Kinh bốn mươi ba quyển, Viễn Sư nghĩa sơ nêu ý chỉ sư một trăm hai mươi lăm vạn lời chỉ trích Tăng đồ làm cảm động lão thành. Lúc đó Thừa Tướng Đỗ Nguyên Dĩnh trấn thủ Tây Thục nghe danh Huyền liền mời Sư giảng ở gác Phổ Hiền chùa Đại Bi thì cả đạo tục mỗi ngày đến mấy vạn chú tâm lắng nghe khen mãi không ngớt. Người Hậu Thục không dám gọi đích danh chỉ gọi là Trần Bồ-tát. Huyền ở chùa Tịnh Chúng nghe Tỳ-ni, thông cả Câu-Xá. Trú chùa Tư Thánh ở Thần Kinh. Chùa này là nơi hội họp của người bốn biển ba học, Huyền ở đó luận giảng tăng tục kính mến ngày càng đông đảo. Vua Văn Tông nghe tiếng bèn mời vào cung hỏi han rất hợp ý vua. Sau sư học Luận Duy Thức với An Quốc Tín Pháp sư đến như kinh sách ngoại điển của trăm nhà Hiền triết đều bao gồm. Có điều là tiếng không thông chẳng thể giảng nói. Bèn đến núi Tượng Nhĩ tụng Chú Đại Bi. Đêm nọ Huyền mộng thấy Thần Tăng cắt lưỡi mình đổi cho lưỡi khác. Sáng hôm sau bỗng nói thông tiếng Tần. Lúc đó Dương Hình Bộ Nhữ Sĩ Cao, Tả Thừa Nguyên Dụ, Trường An Dương Lỗ Sĩ... đều đến cửa Sư xin kết Liên Xã. Vua Võ Tông đầu niên hiệu Ngự Vũ, trước rất cung kính Phật giáo, sau nghe Phù Nghị cúng tế Bồng Lai, xây Phong đài để vũ hóa. Tuy Giác Quan dâng sớ chống lại nhưng vua không đổi ý. Huyền soạn sách có năm Thiên, Thiên cuối nói rằng sinh lên trời vốn

là do nghiệp sinh lên trời, chưa ắt cầu Tiên mà được thành Tiên, Rồng Hạc gặp nguy cũng rớt, còn quân vương cao lắm là một ngàn năm. Vua xem thơ chỉ hiểu chút chút. Đến khi vua đuổi hết Tăng Ni hoàn tục, thì Huyền trở về núi cũ Ba Mân giới hạnh càng tinh chuyên. Ở chùa Khai Nguyên, vua Tuyên Tông Long Phi Dương cùng hội họp định cộng lao, bèn xin phục hưng Phật giáo, lại hỏi tung tích của Huyền. Do đó Huyền lại làm Tăng nghỉ ở chùa Bảo Ứng. Các quan tân bổ Sư làm Thủ tọa Tam giáo, vua mời sư đến ở chùa Pháp Càn. Niên hiệu đại Trung năm thứ ba, Tuyên Tông Đản Tiết ra chiếu cho Giám Nghị Lý Di, Hệ Cấp Sự Dương Hán Công cùng Huyền ba người nghị luận, huyền tâu vua Thiên hạ bỏ chùa nay cho đại phục hưng chùa Tháp, Huyền có công lớn. Vì Huyền tài trí sâu rộng nên vua cho thợ vẽ hình Sư để trong cung cấm. Lúc đó tướng Quốc Bùi Công Hưu làm bạn thân với sư cũng mạnh dạn trùng hưng giáo Pháp. Niên hiệu Quảng Minh năm thứ hai, vua Hy Tông lánh nạn ở Tây Thục sai Quách Tuân Thái, mang ấn dấu cũ Thư ra chiếu Huyền cùng đi. Huyền đến thừa cơ biện luận vui ý vua. Các quan đều khâm phục Huyền hỏi Đạo quên sớm chiều. Vua muốn ban cho cờ xí để biểu đức, ra chiếu các Học Sĩ chọn Hiệu cho Huyền. Cuối cùng vua ban hiệu là Quốc Sư Ngộ Đạt. Một năm sau sư xin về quê cũ là Cửu Lũng để nối nghiệp Tịnh-độ. Vua chấp thuận. Năm sau, ngày 21 tháng giêng sư bị bệnh thấy cảnh đã dạo chơi hiện rõ trước mắt. Sư bèn dậy đốt hương hướng về Tây khẩn rằng: Tuy cảnh tượng đó nhưng không đúng ý, nếu được thấy Tịnh-độ thì ắt mãn nguyện. Nói xong thì trên hư không có tiếng nói rằng: Hạnh Nguyên của ông chắc chắn sinh về An Dưỡng sao nguyện không mãn. Huyền nghe rất vui mừng bèn bảo đệ tử là Từ Đăng dâng biểu lên vua, lại bảo Đăng rằng: Ta tu Tịnh-độ được một năm, hôm nay được Ta nguyện xưa đã xong, rồi nằm nghiêng bên hông phải vui vẻ mà mất, thọ bảy mươi ba tuổi.

10- Thích Tăng Tạng:

Sư là người Tây Hà không biết họ, tánh hiền từ không tranh giành với ai, thấy người già thì kính, gặp bậc có Đức thì trọng, hễ gặp khổ nhọc thì ở trước mọi người niệm Phật A-di-đà suốt 20 năm miệng không hề nói điều quấy ác. Thường mong cho mau ra khỏi ba cõi không có gì hơn niệm Phật, cho nên đi đứng nằm ngồi ăn uống ngủ nghỉ đều nghĩ đến An dưỡng. Trong niên hiệu Càn Phù Đồi Đường Hy Tông Sư bị bệnh thấy Hóa Phật Tịnh-độ chiếu sáng thân mình. Người hầu bệnh ở bên Tạng, Tạng bảo tự nghĩ từ nhiều kiếp đến nay đã chữa nhóm nhiều

tội lỗi như số cát bụi. Nay Thánh Chúng riêng chiếu sáng thân ta, đây là Tịnh-độ giáo chủ Đại Từ nhiếp ta. Ngày hôm sau lại gọi vị Tăng bảo rằng: Tôi nhắm mắt thì thấy các bậc Thượng Thiện ở Tịnh-độ đón rước, tôi đến các vị ấy đều mừng rỡ và rải hoa cho tôi. Chưa xong bữa ăn lại bảo: Các Thượng Thiện Nhân mời tôi và tôi đi đây. Rồi ngồi dậy đắp ngay ngắn về hướng Tây mà hóa.

11- Thích Đại Hành:

Không rõ họ. Niên hiệu Càn Phù đời Đường giặc giả bức hiếp dân, ông phải ở trên núi Thái Sơn kết cỏ làm áo, hái rau mà ăn, thực hành sám Pháp Hoa Phổ Hiền đã ba năm hết mực tinh thành, cảm được Đức Phổ Hiền hiện thân, thấy rõ nhân lớn đời trước, do đó mà cố gắng các niệm, nghĩ Pháp Như lai vẫn còn, nghĩ mình tu chưa chứng, sớm chiều cố gắng quên cả ăn uống. Chưa được một năm vì Phật đạo chỗ tu chưa chuyên nhất một cảnh, lại vì huyễn thân vô thường sẽ bị hư rã, biết đời sau sẽ sinh về đâu. Bèn vào Đại Tạng hết sức tha thiết bày tỏ rằng: Con nguyện tin tưởng lấy được kinh văn nào thì thọ trì mãi mãi. Rồi bất chợt lấy một quyển chính là kinh Di-đà. Bèn ngày đêm trì tụng không dứt cầu sinh An Dưỡng. Chưa được hai mươi một ngày vào khoảng nửa đêm bỗng thấy đất lưu ly hiện ra trước mắt thì tâm nhãn rộng suốt, thấy Phật Di-đà và Quán Âm Thế Chí, vô số Hóa Phật. Lúc đó xa gần truyền nhau sự việc. Vua Hy Tông ban chiếu mời vào nội cung hỏi mọi việc. Sư thưa đây chỉ cần tinh tấn, vua bèn ra sắc ban hiệu là Bồ-tát Thường Tinh Tấn, ban chức là Khai Quốc Công. Một năm sau, Sư bị bệnh, thấy đất lưu ly lại hiện. Sư nói: Ta không có tướng mà đất lưu ly lại hiện há An Dưỡng chẳng có duyên ư? Ngày ấy, Sư tịch ở thiền thất.

12- Thích Duy Cung:

Chẳng rõ Sư người ở đâu, xuất gia tại chùa Pháp Tánh ở Kinh Châu. Sư khinh trên hiếp dưới làm thân với kẻ vô loại. Lúc rảnh rang thì tụng kinh cầu sinh An Dưỡng. Đám bạn rượu thịt bài bạc thường nhóm họp ở trước cửa hư cuồng bảo làm tăng chẳng có ngày bỏ không. Ở phía Đông chùa có tăng Linh Vị là người ở Kinh Châu thường nói đùa rằng: Linh Khuy làm hết nghiệp, Duy Cung tiếp dấu tích địa ngục ngàn vạn lớp, không chán kể chui vào. Cung nghe và nói: Ta đã làm thì cũng tránh được là nhờ có Giáo chủ Tịnh-độ thương ta gây ác mà cứu ta khổ sở. Chống cự không có địa ngục để vào. Niên hiệu Càn Ninh năm thứ hai đời Đường, Duy Cung bệnh chết nhưng chưa ai biết lúc đó khuy ra

khỏi chùa khoảng trăm bước, giữa đường gặp sáu, bảy người trẻ tuổi áo quần đẹp đẽ, tay cầm nhạc khí như ở nước Quy-tư khuy nghi là họ đến chùa trỗi nhạc cúng Phật. Hỏi từ đâu đến, bảo từ Tây đến. Lại bảo rằng chúng ta đi đây, có người đợi. Lại hỏi Thượng nhân Duy Cung ở Chùa nào? chỉ tay nói: Đây là chùa ông ta, đây là phòng của ông ta. Người trẻ tuổi nghe xong rất mừng rỡ, lấy trong bụng ra một bình vàng, trong bình có một hoa sen còn búp như nắm tay, từ từ nở ra to bằng cái chậu, ở dưới những cánh sen có ánh sáng lạ màu sắc chiếu nhau như mấy cụm đèn, chạy mau đến chùa, chưa đến chùa bỗng biến mất. Khuy kinh hãi chẳng dám nhìn lại cũng chẳng nói với ai. Hôm sau Khuy trở về đến cửa chùa thì nghe tiếng chuông, lại thấy Tăng trong chùa đều nhóm họp dưới cửa hỏi thì bảo Duy Cung đã mất từ đêm qua. Có người nói khi Cung chết thì tăng trong chùa có người mộng thấy hoa sen có ánh sáng đến nhà, hồi lâu mới về Tây. Khuy bèn kể việc mình nghe thấy, càng đáng tin. Người làng có kẻ đem việc khuyên gắng Khuy, Khuy nhân đó cảm ngộ giữ danh tiết mà thành Cao tăng.

13- Thích Hồng Cử:

Sư họ Đường, người ở Vĩnh Gia, xuất gia tại chùa Long Hưng ở Cối Kê, đến học tại chùa Bảo Hưng ở Trường An. Người Trường An thấy tăng môn không ai đẹp lạ bằng Cử, mà Cử thì không lấy làm tự đắc. Cử từng cùng Thái Khuê ở Trần Lưu đến chơi tại chùa Hóa Độ, trong chùa có văn bia, Cử đọc mắt nhìn mấy hàng. Khuê làm lạ hỏi ông đọc thuộc lòng được ư? Cử nói mới đọc lần đầu thôi nhưng biết văn không sai. Khuê nghi là Cử may đã thuộc. Khi đến chùa Sùng Thánh thì có khoảng mười tám bia, Cử cũng chỉ đọc qua một lần thì cũng thuộc lâu như trước. Khuê khen nói ta nghe có người tài giỏi nhưng mắt chưa thấy, nay thấy ở ông. Cử không đáp. Tuổi về già đến xứ Việt, tăng ni ở Việt thỉnh làm y chỉ cho hai chúng hạnh làm và nơi đến đều nuôi dưỡng Từ Nhẫn không hề mắng người là mèo chó. Sư thường tụng Quán Kinh kết tướng An Dưỡng, nhiều lần cảm được điềm lành nhưng không nói. Niên hiệu Thiên Thành năm thứ ba đời Hậu Đường sau một cơn lũ dân chúng đói kém khổ sở có tên trộm lén vào nhà, sư gọi trộm bảo các người gặp tai trời mà khốn khổ, người khác cũng như vậy, vượt qua lúc này, nên tự mình thương tiếc, tên trộm hổ thẹn. Đệ tử muốn may áo kếp cho sư nhưng sư không mặc, bảo: các ông chẳng phải là đệ tử của ta, ta phải bỏ mà đi. Đệ tử bèn thôi. Niên hiệu Trường Hưng năm thứ tư đời Hậu Đường, sư điềm nhiên không bệnh mà gọi đệ tử bảo rằng: Thắng

Tướng Tịnh-độ đã đến, ta sẽ tạ thế. Các con phải thay áo mới cho ta để xong việc. Canh ba đêm ấy quả nhiên sự tạ thế. Quan tài Sư để ba ngày, một tối nghe có tiếng gõ áo quan. Đệ tử mở ra thì Cử ngồi dậy nói ta bảo các người thay áo mới cho ta nhưng các người không làm. Nay hải Chúng bảo ta áo không sạch có người khó gần gũi. Ta về đây để các người thay áo. Thay xong thì nằm chết như trước.

14- Thích Chí Thông:

Sư họ Trương, người ở Phù Phong. Cuối đời Hậu Đường, ngày binh lửa Sư tìm chỗ ở không nhất định, than thở buồn trách. Sau đó dạo đến Lạc Hạ gặp ngài Tam tạng Phước-Nhật-la hành Du-già giáo bèn bảo: Đây là Mật Tạng của Như lai ta không truyền là lỗi ở ta. Bèn xuống tóc thờ thầy truyền cho Mật tạng, suốt mười năm không chút biếng lười. Lại muốn đến Thiên Thai sang La Phù, bèn từ giã Tam tạng, Sư nói binh lửa chưa yên, con có nam chinh thì lại càng khó khăn cách trở. Thông nói: Có hổ trời sao cách trở được. Tạng nói: Nếu Ngô Hội có thể trao cho Phạm Văn, gặp lúc có thể truyền dịch thì ta cũng xong việc. Rồi trao cho Phạm Văn. Niên hiệu Thiên Phước đời Thạch Tấn năm thứ tư, được Văn Mục Vương ở Tiền Đường vãng mạng triều đình vốn có đầy đủ oai nghi Lạc Bộ ra đón về ở chùa Tháp Chân Thân. Không bao lâu thưa hỏi Thiên Thai, do đó lên Xích Thành đến Hoa Đảnh, khi thấy Nghi Thức Tịnh-độ của Trí Giả thì mừng vui khôn xiết, không xoay về hướng Tây khạc nhổ, không ngồi xoay lưng về Tây. Thiên Thai có ngọn Chiêu Thủ cao chót vót nhìn xuống cả ngàn tầm. Thông leo lên đánh bảo rằng: thân ở cảnh này không bằng bỏ báo thân này, mà thấy Phật, ngày khác đâu kịp. Bèn hướng về Tây nhắm mắt tự bày Đại Nguyện và nghĩ đến nhân địa của Di-đà mà phát hạnh nguyện. Nguyện xong liền gieo mình xuống, đến nửa chừng như có vị thần nâng đỡ nhánh cây nên thân thể không tổn hại. Thông bảo sao còn sống? Lại chỉnh tâm chánh ý trèo lên ngọn tự bảo đời này đã chán, đại nguyện đã phát, cúi mong các hải chúng tiếp dẫn. Khiến thân này không còn sống nữa. Rồi gieo mình xuống. Nhưng lại rơi trên đám cỏ non, giây lâu tỉnh lại. Tăng trong chùa nghi Thông đi đâu có lẽ bị cọp sói hại đi tìm thì thấy xả thân, chúng bèn khiêng về Đạo tràng trị bệnh. Niên hiệu Thiên Phước năm thứ sáu đời Thạch Tấn thỉnh đến núi Pháp Hoa ở Việt Châu. Năm thứ bảy khi sắp muốn quy tịch, Thông thấy bầy hạc trắng, chim công đi bốn phía, lại thấy hoa sen phát ra ánh sáng khép mở ở trước mắt. Thông nói: Hạc trắng chim công là cảnh Tịnh-độ, hoa sen phát sáng là nơi gá sinh.

Tỉnh-độ sắp đón ta? Bèn ngồi dậy lễ Phật ở trước Phật mà hóa. Khi trà-tỳ thì có mây năm màu che phủ trên đồng lửa ở núi Pháp Hoa, các tầng đều nhìn thấy.

15- Thích Thiệu Nham:

Sư họ Lưu, người ở Ung Châu. Mẹ là người họ Trương mang thai Sư mộng thấy nhiều điềm kỳ lạ. Khi sinh ra thì hình dung khôi ngô, mười tám tuổi thọ Cụ túc giới với Luật sư Hoài Huy bèn tìm đến Ngô Hội ở các núi Tứ Minh, Thiên Thai, nghiên cứu các kinh Phương Đẳng trong mười năm. Từng cùng Đức Vận Thiên sư quyết nghị, ở Văn Ích tại Lâm Xuyên, sư đã được tâm. Nhân đó nghỉ tại chùa Hồ Tâm ở Tiền Đường chuyên tụng kinh Pháp Hoa. Từng nói: Nguyện tụng kinh này một vạn bộ cầu sinh An Dưỡng. Ngày đêm siêng năng cảm được đất liền mà mọc hoa sen. Cả thành đều kính trọng, người ngựa chen dấu ồn ào đến với nhau. Niên hiệu Kiến Long năm thứ 2 đời Đại Tống, thế nguyện sẽ đốt thân cúng dường Phật Di-đà và hải Chúng thanh tịnh. Ngô Việt Quốc Vương họ Tiền khổ công khuyên can, thì tạm ngưng. Sau đó lại gieo mình ở giữa sông Tào Nga để làm thức ăn cho rùa cá, lại được cá cứu sống. Khi cá cứu tự biết có vật nâng chân mình vượt sóng đi thẳng lên. Họ Tiền nghe nói càng thêm kính mến, lập viện Tịnh-độ ở chùa Bảo Tháp tại Hàng Châu mời Sư ở. Ngày 9 tháng 7 Niên hiệu khai Hoàng 4 Sư bị bệnh, nằm thấy hoa sen có ánh sáng chiếu vào thân, nhân làm mấy bài kệ để chỉ bày cho môn đồ. Lại nói ta tụng Liên Hoa muôn bộ hện, một ngày Liên Đài chín phẩm thác sinh. Nay ta chưa chết Liên Đài đã đến trước, nhân tu há trái, ba ngày sau khi sắp mất tâm vui vẻ tự đắc.

16- Thích Thủ Chân:

Sư người ở Vạn Niên thuộc Vĩnh Hưng, họ Kỷ trong niên hiệu Càn Phù đời Đường, Tăng Tổ từng làm quan ở Thục bèn thành người Thành Đô. Lúc tuổi đôi mươi, Sư dạo chơi chùa Thánh Thọ thấy Thiên sư Tu Tấn lập hạnh cẩn thận bèn than: Ta bỏ người này thì còn ai là thầy nữa? Bèn bỏ mũ thờ thầy, rồi tìm đến Lăng Sư học Luận khởi Tín, tánh Quang truyền cho Pháp Giới Quán và được yếu chỉ. Sau đó hoằng hóa Thắng Nghiệp (Tịnh-độ) hơn bốn mươi năm. Trước sau chỉ dạy chăm chăm như một. Giảng Khởi Tín và Pháp Giới Quán hơn bảy mươi lượt. Người nối Pháp của Sư đến hai mươi người. Sư khai Đạo tràng Quán Đảnh năm lần, Đạo tràng Thủy Lục hơn hai mươi lần, tăng ni theo thỉnh

Pháp hơn ba ngàn người. Thường vào canh ba sư luân kết Vô Lượng Thọ Vãng Sinh mật ấn, đến canh năm thì luân kết Văn-thù Ngũ Kế Thần Chú. Ngày 5 tháng Trọng hạ Niên hiệu Khai Bảo thứ 3 khi đang luân kết thì tự biết thân mình lên nước Vô Lượng Thọ mở mắt thấy Phật, Phật chỉ hoa sen trong ao báu, hoa này ngày nọ làm cha mẹ, người nên giữ gìn đừng để cho héo. Niên hiệu khai Bảo năm thứ tư thì sư gọi đệ tử là Duyên Ngộ bảo rằng Như lai không sinh tử Vô thường ư? Tuổi ta, tuổi về già ta muốn thuận theo thế tục mà xây hai ngôi Tháp được chăng? Ngộ thưa lệnh của thầy phải vâng. Năm ấy ngày 5 tháng Mạnh Đông khởi công, ngày 30 tháng Trọng Đông thì hoàn thành. Ngày kế sư mời Tăng trong chùa và đệ tử rằng: vì khổ sáu đường lên xuống bởi nhân vạn nghiệp luân lưu. Nhân đó khiến đồng niệm A-di-đà Phật, kế tán tụng. Sư ở trước tượng Di-đà khẩn rằng: Nguyên Phật bốn mươi tám nguyện độ hữu tình chúng con, đối với nguyện không sai trái. Nguyên xong cầm hương hoa trước các Điện Đường đều cúng dường nguyện được như trước. Rồi hỏi canh ba ư? Đệ tử thưa đúng là canh ba. Bèn ngồi im dứt hơi mà mất.

17- Thích Ngộ Ân:

Sư tự là Tu Dĩ, người ở Thường Thục thuộc Cô Tô. Mẹ là người họ Trương đã từng mộng thấy vị Tăng Ấn-độ gọi bảo: “ta muốn nhờ người làm mẹ” rồi bà có thai. Thuở nhỏ Sư không thích chơi giỡn. Năm mười ba tuổi nghe tăng tụng kinh Di-đà bèn xin xuất gia. Trong niên hiệu Trường Hưng đời Hậu Đường Sư cạo tóc về sau nương chùa Tuệ Tu ở Côn Sơn rộng học năm Bộ Luật Văn. Niên hiệu Thiên Phước đời Tấn theo ngài Linh Quang Hạo Doan nghiên cứu các kinh hiểu rõ ý chỉ. Tuy Thiên Thai có nghĩa ba quán sáu Tức chưa nghiên cứu nhưng đã ngầm hiểu. Về già nương sư Chí Nhân ở Tiên Đường mà thông suốt các Bộ Đại Kinh như Pháp Hoa, Kim Quang Minh v.v..., các học giả đều khâm phục gọi là Nghĩa Hồ. Sư bình thường rất khiết khổ, ngày ăn một bữa, chẳng chứa của dư, chẳng mặc áo dài. Khi Bồ-tát chúng Tăng nhóm họp đầy đủ mới Bồ-tát. Thường xem Tịnh-độ là Thắng Nghiệp. Đêm 30 tháng 8 Niên hiệu Ung Hy năm thứ ba đời Tống, sư thấy mấy luồng ánh sáng từ giếng phóng lên thường tắt cháy, liền bảo môn nhân ánh sáng chớp tắt là biểu hiện sinh tử. Bèn tuyệt thực cấm khẩu nhất tâm niệm Phật. Ba ngày sau thấy một vị Tăng Ấn-độ thân hình rất cao lớn bụng lư hương đi nhiều quanh thất ba vòng. Sư hỏi Tăng nói ta là Quán Đảnh sanh lên Tịnh-độ đã lâu, vì người tu đồng chí ta nên ta đến chào.

Lát sau đệ tử đến thì vị tăng biến mất. Hôm sau lên tòa kể việc thấy và vì đệ tử giải rõ chỉ quán và yếu nghĩa các kinh khác, nghĩa lý rất thông suốt. Sư nói nháy mắt tất khó bảo toàn xưa nay thường nói thế, nhưng ta có thể bảo đảm hôm nay. Ngày ấy ngồi mà mất tại Giảng Đường Chỉ Quán. Đến nửa đêm Tăng trong chùa là Văn yển nghe trên hư không có tiếng nhạc đi dần về Tây, bèn kể lại.

